TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển

Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04/4/2023 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 832/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Đăng H, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Long An, xã Đ L, huyện L Nn, tỉnh H N.
Tạm trú: 428 Khóm 4, thị trấn Lai Vung, huyện L V, tỉnh Đ T.
- *Bị đơn*: Trần Thị Bích L, sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: 1B/1, ấp Long An, xã L Tg, huyện L V, tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Đăng H trình bày:

** Về hôn nhân*:

Anh H và chị L tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2007, tại Ủy ban nhân dân xã Lg T, huyện L V, tỉnh Đ T. Sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2013 thì vợ chồng phát sinh nhiều

mẫu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến đời sống không còn hạnh phúc. Vì thế mà vợ chồng đã ly thân không còn sống chung từ năm 2013 đến nay. Mặc dù cả hai đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Nay anh H không còn tình cảm với chị L nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: 01 người con là Nguyễn Đăng Hoàng A, sinh ngày 28/7/2009, hiện nay đang sống với anh H. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Trần Thị Bích L: Đã đượcTòa án tống đạt hợp L theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có ly do và không có ý kiến phản bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại tờ tường trình ngày 03/4/2023 Nguyễn Đăng Hoàng A có nguyện vọng được sống với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Đăng Hcó đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Nguyễn Đăng Hvà Trần Thị Bích L, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Thị Bích L đã được triệu tập hợp L lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyễn Đăng H và Trần Thị Bích L có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2007, tại Ủy ban nhân dân xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải nhau, không còn tiếng nói chung, hơn nữa hôn nhân giữa anh H và chị L đã không còn hạnh phúc thể hiện việc hai bên đã tự nguyện xã nhau không còn chung sống qua lại với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Mặc dù, Tòa án cũng động viên anh H về mặt ly hôn với chị L hàn gắn lại cùng chăm sóc

cho con nhưng anh H nhất quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm đã không còn với chị L. Đối với chị L từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa chị L vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của anh H. Điều đó cho thấy chị L đã từ bỏ cuộc hôn nhân này với anh H, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh H và chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc anh H yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có hai 01 người con là Nguyễn Đăng Hoàng Anh, sinh ngày 28/7/2009, hiện nay đang sống với anh H, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu này của anh H là có cơ sở bởi lẽ, điều này phù hợp với nguyện vọng của Hoàng Anh được sống với anh H và phù hợp với thực tế là từ khi xa nhau đến nay con sống chung với anh H được anh H nuôi dưỡng chu đáo, để ổn định cho Nguyễn Đăng Hoàng Anh, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Đăng Hoàng Anh, sinh ngày 28/7/2009 cho anh H được tiếp tục nuôi đưỡng. Về cấp dưỡng anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Không có, không xem xét giải quyết.

Chị Trần Thị Bích L từ khi thụ lý vụ án đến nay mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định trong đó có việc thông báo cho chị L biết việc tình trạng tài sản chung và nợ khi ly hôn nhưng chị L cũng không có ý kiến hay phản bác yêu cầu của anh H về vấn đề tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Đăng Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Đăng H.

1. Về hôn nhân: cho Nguyễn Đăng H được ly hôn với Trần Thị Bích L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đăng Hoàng Anh, sinh ngày 28/7/2009 cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng anh H không yêu cầu.

Anh Nguyễn Đăng H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Trần Thị Bích L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Đăng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng . Được khấu trừ 300.000 đồng mà Nguyễn Đăng H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0015790, ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Nguyễn Đăng Hđã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa Lư